

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2025/HS-ST
Ngày 26 tháng 02 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trí, ông Trương Phước Công.

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Xuân Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:**
Ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2025/TLST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2025, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 02 năm 2025, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1971 tại huyện H, tỉnh Kiên Giang; nơi đăng ký thường trú: Ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo Hòa hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (chết) và bà Ngô Thị C (Chín) (chết); chồng: Phạm Văn L (Nguyễn Văn L1), đã ly hôn sau chung sống với Trương Uy D; có 01 con, sinh năm: 2004.

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 16/7/1997 bị Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, xử phạt 46 tháng tù về cả hai tội: “Cướp tài sản công dân” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản công dân”, đã chấp hành xong ngày 18/6/2000.

Bị cáo đang tại ngoại (có mặt).

Bị hại: Bà Lê Thị Bé H1, sinh năm: 1985; địa chỉ cư trú: Ấp P, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Trương Uy D, sinh năm: 1978; địa chỉ cư trú: Ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

2. Ông Nguyễn Minh Q, sinh năm: 1989; địa chỉ cư trú: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người làm chứng: Nguyễn Văn D1, Võ Thị Xuân H2, Nguyễn Văn N,

Phạm Tấn B.

Tại phiên tòa có mặt các ông bà: Hai, D, Q, N, những người còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 04/12/2024, Nguyễn Thị Thu H điều khiển xe mô tô biển số 66P1-817.21 đến tiệm thuốc thú y của Lê Thị Bé H1, ngụ ấp K, xã K, huyện C để mua thuốc. Tại đây, H quan sát không có người trông coi tiệm, trong tiệm có để 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max, màu vàng Gold, nên H lén lấy trộm để vào túi quần bên trái của H đang mặc. Lúc này, Bé H1 từ nhà sau đi ra, gặp H hỏi thì H nói mua thuốc trị bệnh cho chó, nên Bé H1 bán thuốc cho H. Sau đó, H đi về nhà cất giấu điện thoại đã lấy trộm. Đến ngày 05/12/2024, biết hành vi lấy trộm điện thoại của Bé H1 bị phát hiện, H đến Công an xã K đầu thú, giao nộp điện thoại.

Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro max, màu vàng Gold và 01 ốp lưng bằng nhựa, đã trả cho Lê Thị Bé H1; 01 xe mô tô biển số 66P1-817.21, đã trả cho Trương Uy D.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 42/KL-HĐĐG.TTHS ngày 09/12/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C. Kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro6 max, dung lượng 256GB, màu vàng Gold (đã qua sử dụng), trị giá 7.000.000 đồng; 01 ốp lưng điện thoại di động bằng nhựa, có in chữ “PHOCCHOCCO PUPPY” (đã qua sử dụng), trị giá 10.000đồng, tổng trị giá tài sản là 7.010.000 đồng.

Cáo trạng số: 23/CT-VKSTT ngày 06/02/2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới truy tố Nguyễn Thị Thu H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo H khai nhận hành vi phạm tội như nội dung vụ án.

Bị hại và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng Nguyễn Văn N có mặt tại phiên tòa, trình bày nội dung phù hợp với Cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt HĐXX): Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015, xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng: Đã giao trả cho bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, các bên không yêu cầu gì khác, nên không đề cập giải quyết.

Bị cáo không bào chữa và tranh luận, lời nói sau cùng bị cáo xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, về các hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Tại phiên tòa, những người làm chứng Nguyễn Văn D1, Võ Thị Xuân H2, Phạm Tấn B vắng mặt dù đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ. Xét thấy, việc vắng mặt của các ông bà không gây trở ngại đến xét xử của vụ án. Căn cứ vào các Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo H2 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng. Lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 04/12/2024, bị cáo H2 điều khiển xe mô tô biển số 66P1-817.21 của Trần Uy D2 đến tiệm thuốc thú y của Lê Thị Bé H1, ngụ ấp K, xã K, huyện C để mua thuốc. Tại đây, bị cáo lợi dụng không có ai nên lén lút lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro max, màu vàng Gold của bà Bé H1 đem về nhà cất giấu, đến ngày 05/12/2024, bị phát hiện thì bị cáo đến Công an xã K đầu thú, giao nộp điện thoại.

[3]. Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, HĐXX nhận thấy:

Bị cáo H2 là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Năm 1997 bị cáo đã từng bị Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, xử phạt 46 tháng tù về cả hai tội: “Cướp tài sản công dân” và “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản công dân”, lẽ ra bị cáo phải biết tu dưỡng đạo đức, rèn luyện bản thân, lao động

chân chính để trở thành công dân tốt, làm gương cho con, sống có ích cho gia đình và xã hội, nhưng ngược lại vì muốn có điện thoại sử dụng mà không phải lao động bỏ tiền ra mua nên bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút trộm cắp tài sản của người khác với lỗi cố ý. Điều đó cho thấy bị cáo xem thường pháp luật, nên HĐXX cần có hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tài sản bị cáo lấy trộm bị cáo tự nguyện giao trả cho bị hại, trong thời gian bị lấy trộm, bị hại không bị thiệt hại gì khác do không có điện thoại để sử dụng liên lạc và khi phát hiện bị cáo đến Công an xã đầu thú, giao trả điện thoại cho bị hại; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đó là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét về tính chất của vụ án, tuy là ít nghiêm trọng nhưng bị cáo thực hiện hành vi vào ban ngày, tại nhà của bị hại, nơi mua bán hàng hóa, điều đó cho thấy sự liều lĩnh của bị cáo, do đó HĐXX cần áp dụng hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị mức án và xử buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù cách ly khỏi xã hội một thời gian là có căn cứ, phù hợp pháp luật, đề nghị này được HĐXX chấp nhận. Tuy nhiên, mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị từ 09 tháng đến 01 năm tù là cao, đề nghị này HĐXX có căn nhắc khi lượng hình.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự thì *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”*. Xét thấy, bị cáo đang làm thuê, không có thu nhập ổn định nên HĐXX thống nhất không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max, dung lượng 256GB, màu vàng Gold và 01 ốp lưng bằng nhựa, đã trả cho Lê Thị Bé H1; 01 xe mô tô biển số 66P1-817.21, đã trả cho Trương Uy D, các bên không yêu cầu gì khác, nên không xem xét.

[6]. Về các vấn đề khác: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thu H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Thu H 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt chấp hành án.

2. Về án phí: Căn cứ vào Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị Thu H phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo và các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/02/2025), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận

- TA tỉnh (01);
- VKS huyện Chợ Mới (02);
- Sở Tư pháp An Giang (01);
- Cơ quan THAHS, HTTP (02);
- Phòng hồ sơ (01);
- Chi cục THADS Chợ Mới (01);
- Bộ phận THAHS.TA (01);
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

Lê Văn Huệ